TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lưu Xong Pha;

Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Việt Xô – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, về việc Lly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lâm Thị Yến N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; Chổ ở: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Dương Tấn D, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các tài liệu trong quá trình tố tụng, chị Lâm Thị Yến N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D sống chung năm năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời theo quy định pháp luật, hiện vợ chồng chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 02 người con chung Dương Gia B, sinh ngày 27/4/2017 và Dương Thị B T, sinh ngày 01/12/2021 hiện đang sống cùng với chị, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Dương Tấn D đúng theo quy định pháp luật nhưng anh D không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Dương Tấn D có nơi cư trú tại ấp Mỹ Bình, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh D, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh D đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt chị N, anh D theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2017 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện anh chị đã ly thân nhau. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Trường hợp nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Anh chị có hai người con chung Dương Gia B, sinh ngày 27/4/2017 và Dương Thị B T, sinh ngày 01/12/2021. Các cháu hiện đang sống cùng chị N và chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, việc giao con cho người nào trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của các bên và cần duy trì sự ổn định trong cuộc sống vốn có của các cháu, các cháu hiện sống cùng với chị N, chị là người trực tiếp chăm sốc các cháu, nên cần duy trì sự ổn định cuộc sống vốn có đối với các cháu là cần thiết. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh D nhưng anh vẫn vắng mặt không tham dự hòa giải và xét xử tại tòa cũng như không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Đo đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu B và T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với kiện cụ thể các bên, đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng, theo quy định pháp luật hiện hành quy định mức tối thiểu không dưới 1/2 mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, do anh D không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Dương Gia B và Dương Thị B T với số tiền 1.000.000 đồng/tháng đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có cơ sở. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 29/6/2022.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh D phải chịu tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lâm Thị Yến N với anh Dương Tấn D.

2. Về con chung: Giao con chung Dương Gia B, sinh ngày 27/4/2017 và Dương Thị B T, sinh ngày 01/12/2021 cho chị Lâm Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dương Tấn D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Dương Tấn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Dương Gia B, sinh ngày 27/4/2017 và Dương Thị B T, sinh ngày 01/12/2021 với số tiền 1.000.000 đồng/tháng đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 29/6/2022.

Kể từ ngày chị Lâm Thị Yến N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Dương Tấn D không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi

chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Chị Lâm Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004676 ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Anh Dương Tấn D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND xã Phong Điền;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp